TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-ST
Ngày: 27/5/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án B trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 937/2024/TLST-DS ngày 18/11/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Sỹ K; Chức vụ: Chuyên viên; Địa chỉ: Số B P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Đức C, sinh năm 1990 và bà Vũ Quỳnh U, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

1. Ngày 21/06/2023 bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C có ký hợp đồng tín dụng số 202327141964 cùng các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Đ (Ngân hàng):

Số tiền vay theo Hợp đồng 5.900.000.000 đồng, dư nợ vay 5.900.000.000 đồng, ngày vay 22/06/2023 theo giấy nhận nợ LD2317300607, thời gian vay 12 tháng (đến ngày 22/06/2024), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất theo hợp đồng cố định 8%/năm trong 06 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 7 trở đi áp dụng lãi suất điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần (hiện tại đang áp dụng lãi suất 9,7%/năm).

Quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và số tiền vay của bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C đã chuyển qua nợ quá hạn từ ngày 22/06/2024.

Số tiền vốn gốc chuyển quá hạn: 5.900.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 27/5/2025 là: 850.420.833 đồng; Số tiền đã thanh toán: 0 đồng.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202327141964 được đảm bảo bằng 02 quyền sử dụng đất:

Tài sản thế chấp 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 084870, số vào sổ cấp GCN: CS - 32859, ngày cấp: 04/06/2021, nơi cấp: Sở Tài Nguyên & Môi trường tỉnh Đ. Đã được Chi nhánh Văn phòng Đ1 xác nhận việc thay đổi chủ sở hữu là ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U ngày 01/12/2021đối với thửa đất số: 84; Tờ bản đồ số: 76; Địa chỉ thửa đất: xã H, TP ., tỉnh ĐăkLăk - diện tích: 566 m2 (Năm trăm sáu mươi sáu mét vuông); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200m2; Đất trồng cây lâu năm: 366m2; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: đến ngày 2043.

Tài sản thế chấp 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 204165, số vào sổ cấp GCN: CH - 15067, ngày cấp: 27/09/2021, nơi cấp: U1. Đã được Chi nhánh Văn phòng Đ1 xác nhận việc thay đổi chủ sở hữu là ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U ngày 01/12/2021 đối với thửa đất số: 82; Tờ bản đồ số: 76; Địa chỉ thửa đất: xã H, TP ., tỉnh ĐăkLak - diện tích: 450 m2 (Bốn trăm năm mươi mét vuông); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 60m2; Đất trồng cây lâu năm: 390m2; Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài; Đất trông cây lâu năm: đến ngày 01/07/2064.

2. Ngày 01/02/2024 bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C có ký hợp đồng tín dụng số 202427410940 cùng các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ.

Số tiền vay theo hợp đồng: 1.700.000.000 đồng. Dư nợ vay 1.700.000.000 đồng. Ngày vay 02/02/2024 theo giấy nhận nợ LD2403300812. Thời gian vay 12 tháng (đến ngày 02/02/2025). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Lãi

suất theo hợp đồng cố định 12 tháng 8,5%/ năm quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi vay từ ngày 22/06/2024 do đó Ngân hàng đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn đối với hợp đồng tín dụng này.

Số tiền vốn gốc thu hồi nợ trước hạn: 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)

Số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 27/5/2025 là 167.116.081đồng. Số tiền đã thanh toán: 0 đồng.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202427410940 được đảm bảo bằng 01 quyền sử dụng đất:

Tài sản thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DM 351829, số vào sổ cấp GCN: CN 20310, ngày cấp: 22/01/2024, nơi cấp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TP . đối với thửa đất số: 515; Tờ bản đồ số: 35; Địa chỉ thửa đất: xã H, TP . - Diện tích: 1781,1 m2 (Một ngàn bảy trăm tám mươi mốt phẩy một mét vuông); Hình thức sử dụng: Riêng: 1781,1 m2; chung không m2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 60m2; Đất trồng cây lâu năm: 1721,1m2 - Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: đến ngày 01/07/2064.

3. Ngày 31/05/2024 bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C có ký hợp đồng tín dụng số 202427748064 cùng các điều khoản chung về cấp tín dụng đính kèm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S chi nhánh ĐăkLăk.

Số tiền vay theo hợp đồng: 300.000.000 đồng; Dư nợ vay 200.000.000 đồng. Ngày vay 31/05/2024 theo giấy nhận nợ LD2415200813; Thời gian vay 12 tháng (đến ngày 31/05/2025); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất theo hợp đồng cố định 12 tháng 10,5%/năm; Quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng đã v phạm nghĩa vụ thanh toán lãi vay từ ngày 22/06/2024 do đó Ngân hàng đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn đối với hợp đồng tín dụng này.

Số tiền vốn gốc thu hồi nợ trước hạn 200.000.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 27/5/2025 là: 21.083.209 đồng; Số tiền đã thanh toán: 0 đồng. Khoản vay theo hợp đồng 202427748064 này không áp dụng biện pháp đảm bảo.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc:

+ Buộc bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2025 theo các hợp đồng vay vốn là 8.838.620.123đồng; trong đó nợ gốc là 7.800.000.000đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 838.620.123đồng

+ Buộc bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

+ Trong trường hợp bà Vũ Quỳnh U và ông Phạm Đức C không trả được nợ thì xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 314/22/TC/DL ngày 21/6/2022 đối với thửa đất số 82, 84 cùng tờ bản đồ số 76; Địa chỉ các thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/24/TC/DL ngày 01/02/2024 đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 35; Địa chỉ thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk.

+ Về chi phí tố tụng: Đề nghị Toàn án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Tại bản tự khai và biên bản làm việc bị đơn trình bày:**

Việc bị đơn có vay nguyên đơn số tiền gốc 7.800.000.000đồng tại 03 hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ như nguyên đơn trình bày như trên là đúng.

Nội dung hợp đồng ký kết với nguyên đơn là tự nguyện, quá trình vay cũng như mục đích vay bị đơn thực hiện đúng, tuy nhiên do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng; nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi 8.323.582.258 đồng (tính đến ngày 05/12/2024) bị đơn không có ý kiến gì.

Bị đơn đồng ý tiếp tục tính lãi theo theo hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số 202327141964 ngày 21/06/2023; Hợp đồng tín dụng số 202427410940 ngày 01/02/2024; Hợp đồng tín dụng số 202427748064 ngày 31/05/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tuy nhiên về thời hạn trả nợ cũng như xử lý tài sản thế chấp khi không trả hết nợ bị đơn về suy nghĩ sẽ trình bày sau.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS để giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015. Điều 90, 92 Luật các tổ chức tín dụng. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Đề nghị HĐXX,

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 7.800.000.000đồng và lãi theo hợp đồng tính đến thời điểm xét xử.

Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại các điều 26, 35, 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền tại các hợp đồng tín dụng, có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất trong hạn và quá hạn, quyền và nghĩa vụ của các bên nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền vay theo hợp đồng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ xem xét.

[4.1] Xét theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể; Hợp đồng tín dụng số 202327141964, ngày 21/06/2023 số tiền vay theo hợp đồng 5.900.000.000đồng. Hợp đồng tín dụng số 202427410940 ngày 01/02/2024, số tiền vay theo hợp đồng 1.700.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 202427748064 ký ngày 31/05/2024, dư nợ vay: 200.000.000 đồng, tổng cộng gốc 7.800.000.000đồng và lãi suất tính đến ngày 27/5/2025 là 1.038.620.123đồng.

Tại buổi làm việc công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn thừa nhận nợ gốc, lãi như nguyên đơn khởi kiện, bị đơn trình bày lý do vi phạm nghĩa vụ trả nợ là do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên chưa thể thỏa thuận được thời hạn.

Xét thấy, việc tại buổi hòa giải các bên đương sự không phát sinh tranh chấp tự nguyện thống nhất số nợ gốc và lãi là tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận để buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định pháp luật, trường hợp không trả hết nợ thì xử lý tài sản thế chấp tại các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 314/22/TC/DL ngày 21/6/2022 đối với thửa đất số 82, 84 cùng tờ bản đồ số 76; Địa chỉ các thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/24/TC/DL ngày 01/02/2024 đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 35; Địa chỉ thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk.

HĐXX xét thấy, hợp thế chấp được các bên thực hiện đúng quy định pháp luật và tại buổi hòa giải bị đơn thừa nhận việc có thế chấp tài sản theo các hợp đồng nhưng không đồng ý về việc xử lý tài sản thế chấp nếu không trả được nợ đồng thời bị đơn cần có thời gian về suy nghĩ. Sau nhiều lần Tòa án mời làm việc

bị đơn đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm nên việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp để buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ.

[4.3] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy: Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện, hợp đồng thế chấp tài sản giữa bị đơn và nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, theo đó các bên đã thống nhất số tiền vay, lãi suất, mục đích vay, thời hạn trả nợ nên được pháp luật bảo vệ để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của hợp đồng tổng cộng là: 8.838.620.123đồng, trong đó gốc là 7.800.000.000đồng và lãi suất tính đến ngày 27/5/2025 là 1.038.620.123đồng.

Tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc và lãi theo quy định.

[5] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024 (BL90) xác định trên thửa đất số 82, thửa đất số 84, cùng tờ bản đồ số 76 và thửa đất số 515, tờ bản đồ số 35. Địa chỉ các thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk đều đang do bị đơn quản lý, sử dụng để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã chi phí xong). Nguyên đơn được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của bị đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các điều26, 35, 39, 147, 157, 161, 165, 203, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 90, 92 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

+ Buộc bị đơn ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc là 7.800.000.000đồng và lãi suất tính đến ngày 27/5/2025 là 1.038.620.123đồng. Tổng cộng số tiền là 8.838.620.123đồng *(Tám tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, một trăm hai mươi ba đồng).*

+ Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 202327141964 ngày 21/06/2023; hợp đồng tín dụng số 202427410940 ngày 01/02/2024; hợp đồng tín dụng số 202427748064 ngày 31/05/2024 cho đến khi ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

+ Trường hợp bị đơn ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U không thanh toán được các khoản nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 314/22/TC/DL ngày 21/6/2022 đối với thửa đất số 82, 84 cùng tờ bản đồ số 76; Địa chỉ các thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 76/24/TC/DL ngày 01/02/2024 đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 35; Địa chỉ thửa đất tại xã H, TP ., tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

+ Nếu ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U trả xong nợ mà không phải xử lý tài sản bảo đảm nêu trên thì Ngân hàng T có nghĩa vụ trả lại GCNQSDĐ đã thế chấp theo hợp đồng nêu trên cho ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U.

2. Về chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U phải chịu 4.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã chi phí xong). Nguyên đơn Ngân hàng T được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của ông C bà U.

3. Về án phí:

+ Ông Phạm Đức C và bà Vũ Quỳnh U phải chịu 116.838.620đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng S số tiền 58.067.000đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0012638 ngày 04/11/2024.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh